

Số: 2223/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/04/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

Điều 2. Giao cho Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc theo đúng Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để b/c)
- Lưu: VT, ĐT, T10.



Nguyễn Hồng Sơn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2223/QĐ-ĐHQGHN, ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

-Tên chuyên ngành đào tạo:

+Tiếng Việt: Ngôn ngữ Trung Quốc

+Tiếng Anh: Chinese Linguistics

-Mã số chuyên ngành đào tạo: 60220204

-Tên ngành đào tạo:

+Tiếng Việt: Ngôn ngữ Trung Quốc

+Tiếng Anh: Chinese Linguistics

-Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

-Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

+Tiếng Anh: The Degree of Master in Chinese

-Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng ứng dụng đặt trọng tâm đào tạo vào việc đào tạo những nhà chuyên môn có kiến thức lí thuyết nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Trung Quốc để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn có liên quan đến Ngôn ngữ học Trung Quốc trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học-kĩ thuật, kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng của đất nước; có các năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và

giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm); có hiểu biết về môi trường địa phương trong nước hay quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức: Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc (lý thuyết ngữ pháp, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, ngữ âm học, phân tích diễn ngôn, v.v...) và các khoa học có liên quan (ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học đối chiếu, ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học tâm lý, v.v...); mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Trung Quốc (giao tiếp giao văn hóa, giao tiếp liên văn hóa, giao tiếp xuyên văn hóa, tiếng Trung Quốc chuyên ngành, đất nước học, v.v...) để học viên tốt nghiệp vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể có liên quan đến Ngôn ngữ học Trung Quốc như cán bộ đối ngoại, cán bộ quản lý, phụ trách, cán bộ giảng dạy, biên dịch viên, phiên dịch viên, chuyên viên tư vấn, phóng viên, biên tập viên, ..., trong các cơ quan ban ngành từ trung ương đến địa phương, trong các ngành khoa học, trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, các nhà xuất bản ngôn ngữ, văn hóa, chính trị, trong ngành báo chí truyền thông, các công ty tổ chức sự kiện, các nhà sản xuất phim ảnh, các cơ sở đào tạo tiếng Trung Quốc và Quốc tế học, ...

Về kỹ năng: Chương trình đào tạo các kỹ năng cơ bản trong việc ứng dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu về ngôn ngữ học Trung Quốc trong các công việc cụ thể như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề, kỹ năng xử lý thông tin có liên quan đến vị trí công việc đang đảm nhận, kỹ năng biên, phiên dịch, kỹ năng biên tập trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, kỹ năng thiết kế hệ thống nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin thông qua việc sử dụng các thiết bị và nguồn cung cấp thông tin phù hợp, kỹ năng lập thư mục và danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu lưu trữ, và các nguồn cung cấp thông tin khác, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế.

Về nghiên cứu: Học viên tốt nghiệp biết vận dụng kiến thức về các đường hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu phù hợp để bước đầu độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc nghiệp vụ của bản thân như biên dịch, phiên dịch, biên tập, tư vấn, quản lý, giảng dạy, tổ chức; có năng lực

nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ Trung -Việt, nghiên cứu sự phát triển tiếng Trung Quốc, nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc để ứng dụng trong dịch máy và các ứng dụng khác tại Việt Nam.

Về phẩm chất chính trị: Chương trình cũng góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Môn thi tuyển sinh:

- Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Trung Quốc
- Môn thi cơ sở: Năng lực sử dụng tiếng Trung Quốc
- Môn Ngoại ngữ: Chọn một trong các ngoại ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Nhật, Hàn Quốc hoặc Ả Rập

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

- Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc hoặc ngành Sư phạm Tiếng Trung Quốc.
- Không yêu cầu về kinh nghiệm công tác.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- Nắm được kiến thức nền tảng chung về triết học, kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lí luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước.

- Nắm được kiến thức cơ bản về một ngoại ngữ thứ hai ở mức B1 trở lên theo khung tham chiếu Châu Âu.

1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

- Nắm vững một cách có hệ thống, am hiểu một cách sâu sắc và chính xác về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc nhóm chuyên ngành và chuyên ngành; có kiến thức cập nhật, tiến tiến về lĩnh vực nghiên cứu chính và những lĩnh vực có liên quan, các trường phái ngôn ngữ học như ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học cải biến - tạo sinh, ngôn ngữ học chức năng, ngôn ngữ học tri nhận,...; Cụ thể:

Kiến thức cơ sở:

- Ngôn ngữ học đại cương;
- Ngôn ngữ học xã hội;
- Ngôn ngữ học tâm lí;
- Ngôn ngữ học đối chiếu;
- Giao tiếp liên văn hóa;
- Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra, học viên có thêm kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

Kiến thức chuyên ngành:

- Bản chất, chức năng và sự phát triển của ngôn ngữ Trung Quốc;
- Ngữ âm tiếng Trung Quốc;
- Từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Trung Quốc;
- Ngữ pháp tiếng Trung Quốc;
- Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc;
- Đối chiếu ngôn ngữ Trung -Việt, v.v...;
- Văn học Trung Quốc và các nước nói tiếng Trung Quốc;
- Văn hóa các nước nói tiếng Trung Quốc;
- Giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Trung Quốc về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, giáo dục, v.v...;
- Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc;
- Lí luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc

1.3. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lí thuyết, thực hành và kĩ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ Trung Quốc trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, giảng dạy và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ,...

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Trung Quốc hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ Trung Quốc của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ Trung Quốc và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

2. Về năng lực

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Có trình độ cao về thực hành: Có kỹ năng vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Tiếng Trung Quốc và mọi công việc phát sinh liên quan tới ngành Tiếng Trung Quốc với hiệu quả và tiến độ cao. Riêng về trình độ tiếng Trung Quốc, học viên có thể sử dụng tốt tiếng Trung Quốc ở trình độ C1+ theo Khung tham chiếu châu Âu.

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc theo định hướng ứng dụng chú trọng việc phát triển các kỹ năng thực hành nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ Trung-Việt, nghiên cứu sự phát triển tiếng Trung Quốc, nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc để ứng dụng trong các công việc liên quan như biên dịch, phiên dịch, dịch máy, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

Kỹ năng ngoại ngữ thứ hai: Về trình độ ngoại ngữ thứ hai sử dụng trong chuyên môn, học viên tốt nghiệp có trình độ ngoại ngữ học thuật để thực hiện tốt các công việc:

- Đọc và hiểu được tài liệu khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng trình bày theo những dạng thức cơ bản trong văn phong khoa học;
- Viết đoạn văn, bài tóm tắt về những tài liệu khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng đã đọc;
- Viết những đoạn văn, bài luận học thuật trong chuyên môn thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng theo các dạng thức đã được học;
- Dịch viết xuôi, ngược một số câu, đoạn văn quan trọng, mấu chốt trong tài liệu khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng.

ch

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

2.2.1. Kỹ năng cá nhân:

- Có kỹ năng làm việc độc lập, chủ động với hiệu quả tối ưu; có khả năng sắp xếp thời gian, công việc và điều kiện sinh hoạt một cách phù hợp nhất để thực hiện mọi nhiệm vụ học tập, nghiên cứu, công tác với chất lượng, số lượng và tiến độ cao nhất trong thực tiễn.

2.2.2. Kỹ năng thuyết trình và tiếp nhận thông tin:

- Có kỹ năng truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v...

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp:

- Có kiến thức và kinh nghiệm thực hành một số kỹ năng vận dụng thực tế về văn hóa ứng xử, phép lịch sự trong giao tiếp, chiến lược giao tiếp, v.v... để gìn giữ và củng cố các quan hệ trong các bối cảnh giao tiếp khác nhau, đặc biệt là với cộng đồng nói tiếng Trung Quốc, và tạo dựng sự ủng hộ và tín nhiệm của cộng đồng xã hội theo cách có lợi nhất đối với công việc của mình.

2.2.4. Kỹ năng công nghệ thông tin:

- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn; thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu;

- Có khả năng tiếp cận với các nguồn số hoá, đơn phương (web) và 2 chiều (email), giao tiếp từ xa...

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách

nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Tự tin, linh hoạt, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi;

- Sáng tạo, độc đáo trong công việc.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; hành vi chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn.


- Biết ứng xử tốt, thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác và cộng tác với đồng nghiệp;

- Có ý thức về sự phát triển kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp của bản thân, làm chủ quá trình phát triển chuyên môn, nghề nghiệp của bản thân, biết đặt ra những mục tiêu thiết thực và khả thi cho quá trình phát triển chuyên môn và nghề nghiệp và khả năng được tuyển dụng của bản thân;

- Thể hiện hiểu biết sâu sắc về bản chất chuyển giao của kỹ năng nghiên cứu trong các môi trường làm việc khác nhau và các cơ hội phát triển nghề nghiệp trong và ngoài cộng đồng học thuật và nghiên cứu.

- Có khả năng quảng bá khả năng, kỹ năng, kiến thức, phẩm chất, kinh nghiệm của bản thân trong quá trình xin việc.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học. 

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

4.1. Những vị trí công tác học viên tốt nghiệp có thể đảm nhận

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học Trung Quốc như chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Trung Quốc tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Trung Quốc làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Trung Quốc và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện,...

4.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng ứng dụng có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học Trung Quốc như biên dịch tiếng Trung Quốc, phiên dịch tiếng Trung Quốc, thiết kế ứng dụng dịch máy, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng, ...

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng ứng dụng, học viên có khả năng tự học tập, tự xác định được những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thục các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.

6. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc theo định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng của Đại học Cát Lâm, Trung Quốc.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo:	65 tín chỉ
Số tín chỉ tích lũy trong chương trình đào tạo:	61 tín chỉ
- Khối kiến thức chung :	08 tín chỉ (*)
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	48 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	<i>27 tín chỉ</i>
+ <i>Lựa chọn</i> :	<i>21 tín chỉ / 42 tín chỉ</i>
- Luận văn Thạc sĩ:	09 tín chỉ

2. Khung chương trình:

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	8				
1.	PHI5002	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4				
2.	ENG5001	Ngoại ngữ cơ bản * (<i>General Foreign Language</i>)	4	30	30	0	
	Tiếng Anh cơ bản (<i>General English</i>)						
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản (<i>General Russian</i>)					
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản (<i>General French</i>)					
WES5001	Tiếng Đức cơ bản (<i>General German</i>)						
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	48				
II.1		<i>Bắt buộc</i>	27				
3.	CHI6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Trung Quốc) (<i>General Linguistics (Chinese)</i>)	3	30	15	0	
4.	CHI6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Trung Quốc) (<i>Contrastive Linguistics (Chinese)</i>)	3	30	15	0	
5.	CHI6003	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (<i>Research Methodology</i>)	3	30	15	0	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
6.	CHI6006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Semantics</i>)	3	30	15	0	
7.	CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Grammar</i>)	3	30	15	0	
8.	CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Phonetics</i>)	3	30	15	0	
9.	CHI6021	Ngữ dụng học (tiếng Trung Quốc) (<i>Pragmatics (Chinese)</i>)	3	30	15	0	
10.	CHI6016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc (<i>Translation Studies (Chinese)</i>)	3	30	15	0	
11.	CHI6024	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc (<i>Theory and Methodology of Chinese Teaching</i>)	3	30	15	0	
II.2		Tự chọn: tự chọn 7 học phần	21/42				
12.	CHI6002	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Trung Quốc) (<i>Sociolinguistics (Chinese)</i>)	3	30	15	0	
13.	CHI6027	Ứng dụng kỹ thuật và công nghệ thông tin trong thực tiễn (<i>Practical applications of technology and ICT</i>)	3	30	15	0	
14.	CHI6007	Ngôn ngữ học văn hoá Trung Quốc (<i>Chinese Culture-Linguistics</i>)	3	30	15	0	
15.	CHI6012	Văn học Trung Quốc (<i>Chinese Literature</i>)	3	30	15	0	
16.	CHI6013	Tiếp xúc ngôn ngữ Trung-Việt (<i>Chinese-Vietnamese Language Contact</i>)	3	30	15	0	
17.	CHI6014	Kiểm tra - đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Skill Testing</i>)	3	30	15	0	
18.	CHI6015	Ngôn ngữ học tâm lý (tiếng Trung Quốc) (<i>Psycholinguistics (Chinese)</i>)	3	30	15	0	
19.	CHI6009	Tu từ học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Stylistics</i>)	3	30	15	0	
20.	CHI6010	Tiếng Trung Quốc cổ đại (<i>Ancient Chinese</i>)	3	30	15	0	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
21.	CHI6025	Phân tích diễn ngôn (tiếng Trung Quốc) (<i>Chinese Discourse Analysis</i>)	3	30	15	0	
22.	CHI6022	Hán tự học (<i>Chinese Characters</i>)	3	30	15	0	
23.	CHI6023	Phương ngữ học (tiếng Trung Quốc) (<i>Dialectology of Chinese</i>)	3	30	15	0	
24.	CHI6026	Thiết kế chương trình và môn học (<i>Programs and Subjects Design</i>)	3	30	15	0	
25.	ENG6001	Ngoại ngữ học thuật (<i>Foreign Language for Academic Purposes</i>) Tiếng Anh học thuật (<i>Academic English</i>)	3	30	15		ENG5001
	RUS6001	Tiếng Nga học thuật (<i>Academic Russian</i>)					RUS5001
	FRE6001	Tiếng Pháp học thuật (<i>Academic French</i>)					FRE5001
	WES6001	Tiếng Đức học thuật (<i>Academic German</i>)					WES5001
III	CHI7203	Luận văn Thạc sĩ	9				
		Tổng cộng	65				

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.